

Bản án số 37/2020/HSST
Ngày 13 tháng 8 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thiện Thành

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến và ông Hoàng Quốc Trị

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Hồng Mơ - là thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 13/08/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/HSST ngày 14/07/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 07 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Bùi Trí H (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1969; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại xóm 2 T, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trí K và bà Bùi Thị K (đều đã chết); vợ Lâm Thị H và có 03 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1998; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/4/2020 đến ngày 15/4/2020. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc T (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1986; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại xóm 4 T, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trắc T (đã chết) và bà Đinh Thị L; vợ Mai Thị Hồng N và có 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/4/2020 đến ngày 15/4/2020. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Văn T1 (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1986; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại xóm 5 P, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L và bà Hoàng Thị L (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 32/2007/HSST ngày 15/6/2007, Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt Bùi Văn T1 30 tháng tù, về tội “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/4/2020 đến ngày 15/4/2020. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Trọng Q (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1960; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại xóm 2 T, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trọng V và bà Lê Thị V(đều đã chết); vợ Bùi Thị L và có 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/4/2020 đến ngày 15/4/2020. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Bùi Công P (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1977; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công P (đã chết) và bà Đinh Thị N; vợ Vũ Thị C và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009; tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án Hình sự sơ thẩm số 15/2018/HSST ngày 21/3/2018, Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N xử phạt Bùi Công P 6.000.000 đồng, về tội “Đánh bạc”.

Nhân thân: Quyết định số 18 ngày 30/5/2007, Công an huyện V, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 300.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/4/2020 đến ngày 15/4/2020. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Bùi Xuân T2 (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1982; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại xóm 2 T, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân H (đã chết); và bà Đinh Thị B; vợ Nguyễn Thị T và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/4/2020 đến ngày 15/4/2020. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Bùi Xuân C (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1982; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại xóm 2 T, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân H; và bà Lê Thị H (đã chết); vợ Trần Thị H và có 01 con sinh năm 2016; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/4/2020 đến ngày 15/4/2020. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Anh **Lê Anh K**; sinh năm 1978; trú tại xóm 4 T, xã G, huyện V, tỉnh N; (Vắng mặt tại phiên tòa).

*** Người làm chứng:** Ông **Bùi Trí S**; anh **Bùi Xuân T3** (Đều vắng mặt) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Trí H, Lê Anh K, Bùi Văn T1, Lê Trọng Q, Nguyễn Ngọc T, Bùi Xuân T2, Bùi Công P, Bùi Xuân C, đều trú tại xã G, huyện V là bạn bè, quen biết nhau từ trước. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/4/2020, H cùng với K, T1, Q và T ngồi chơi uống nước tại phòng khách của gia đình H. Thấy đông người nên H, K, Q, T1, T cùng đi vào phòng ngủ gia đình H mục đích để đánh bạc. H trải

chiếu xuống nền phòng ngủ, T lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân để phía trên tủ trong phòng ngủ nhà H. Tất cả thống nhất đánh bạc bằng hình thức “Đánh liêng” được thua bằng tiền, mức chơi thấp nhất là 10.000 đồng/người/ván, cao nhất là 100.000 đồng/người/ván. Khoảng 30 phút sau K không tham gia đánh bạc nữa; lúc này Bùi Xuân T2 và Bùi Công P đến tham gia đánh bạc cùng. Khoảng 30 phút sau, thì Bùi Xuân C đến cùng ngồi tham gia đánh bạc. Khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, trong khi H, T1, Q, T, P, T2 và C đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện V phối hợp với Công an xã G tuần tra, kiểm tra phát hiện; Do sợ bị phát hiện nên C lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân cất giấu lên nóc tủ gỗ. Tổ công tác đã thu giữ tại dưới đệm trên giường trong phòng ngủ nơi các đối tượng đánh bạc số tiền 7.000.000 đồng của Lê Trọng Q, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu xanh, 01 chiếc chiếu tre; Thu tại nóc tủ gỗ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu đỏ. Ngoài ra, thu giữ trên người của Bùi Công P số tiền 4.600.000 đồng và 01 ví giả da, thu trên người của Bùi Xuân C số tiền 2.970.000 đồng, thu trên người của Bùi Xuân T2 số tiền 26.830.000 đồng và 01 ví giả da màu đen, thu trên người của Lê Trọng Q số tiền 3.660.000 đồng, thu trên người của Bùi Văn T số tiền 400.000 đồng, thu trên người của Bùi Trí H số tiền 600.000 đồng và 01 ví giả da, thu của Lê Anh K số tiền 340.000 đồng và 01 ví giả da màu nâu, thu của Bùi Xuân T3 số tiền 100.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc ngày 09/4/2020 là 7.730.000 đồng (gồm: Thu trên người của C số tiền 2.970.000 đồng; của Q số tiền 3.660.000 đồng; của P số tiền 100.000 đồng; của T1 số tiền 400.000 đồng; của H số tiền 600.000 đồng).

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS-GV ngày 14/07/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố **Bùi Trí H, Bùi Xuân C, Bùi Công P, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Bùi Xuân T2 và Nguyễn Ngọc T** ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội “**Đánh bạc**”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Trí H, Bùi Xuân C, Bùi Công P, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Bùi Xuân T2 và Nguyễn Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Khi tham gia đánh bạc Bùi Trí H sử dụng 700.000 đồng, Nguyễn Ngọc T sử dụng 400.000 đồng, Lê Trọng Q sử dụng 3.000.000 đồng, Bùi Văn T1 sử dụng 600.000 đồng, Bùi Xuân T2 sử dụng 80.000 đồng, Bùi Công P sử dụng 100.000 đồng, Bùi Xuân C sử dụng 3.000.000 đồng vào việc đánh bạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Trí H, Bùi Xuân

C, Bùi Công P, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Bùi Xuân T2 và Nguyễn Ngọc T phạm tội “**Đánh bạc**”; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Công P** 07 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án; được trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 09/4/2020, đến ngày 15/4/2020). Phạt tiền bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Trí H** từ 28.000.000 đồng đến 29.000.000 đồng; bị cáo **Lê Trọng Q** từ 26.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng; bị cáo **Nguyễn Ngọc T** từ 26.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng; bị cáo **Bùi Xuân T2** từ 26.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng; bị cáo **Bùi Xuân C** từ 25.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T1** từ 26.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.730.000 đồng (*gồm: số tiền 2.970.000 đồng thu giữ của Bùi Xuân C; 3.660.000 đồng thu giữ của Lê Trọng Q; 100.000 đồng thu giữ của Bùi Công P; 400.000 đồng thu giữ của Bùi Văn T1; 600.000 đồng thu giữ của Bùi Trí H*).

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân màu xanh, 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân màu đỏ và 01 chiếc chiếu che thu giữ tại chiếu bạc, 03 ví giả da, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị.

Trả lại bị cáo **Lê Trọng Q** số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo **Bùi Xuân T2** số tiền 26.830.000 đồng, bị cáo **Bùi Công P** số tiền 4.500.000 đồng, là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Bùi Trí H, Bùi Xuân C, Bùi Công P, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Bùi Xuân T2 và Nguyễn Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút ngày 09/4/2020, tại phòng ngủ của gia đình Bùi Trí H ở xóm 2, thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N, các bị cáo Bùi Trí H, Bùi Công P, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Nguyễn Ngọc T, Bùi Xuân T2 và Bùi Xuân C đã sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân đánh bài dưới hình thức “đánh liêng” được, thua bằng tiền đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày bị Công an huyện V phối hợp với công an xã G bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 7.730.000 đồng.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 321. Tội đánh bạc

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3]. Hành vi của bị cáo Bùi Trí H, Bùi Xuân C, Bùi Công P, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Bùi Xuân T2 và Nguyễn Ngọc T đã nêu trên là phạm tội "Đánh bạc", được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ. Đánh bạc đang là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, Nhà nước ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần chồng chất, nó cũng là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều đã thành niên, nhưng không chịu tu chí làm ăn lương thiện mà lại tham gia đánh bạc kiếm tiền bất chính. Hành vi của các bị cáo bị chính gia đình các bị cáo lên án, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo các bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, vai trò của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Đối với Bùi Trí H là người trải chiếu và sử dụng nhà ở của mình, rồi cùng các bị cáo khác đánh bạc. Do vậy, Bùi Trí H xếp vai trò đầu trong vụ án. Đối với Nguyễn Ngọc T là người lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân để cùng các bị cáo khác đánh bạc. Do vậy, Nguyễn Ngọc T xếp vai trò thứ hai trong vụ án. Đối với Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Bùi Xuân T2, Bùi Công P, Bùi Xuân C đều là đồng phạm,

thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do vậy, các bị cáo này lần lượt xếp vai trò sau cùng trong vụ án.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Bùi Công P Tại bản án số hình sự sơ thẩm số: 15/2018/HSST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện V xử phạt Bùi Công P 6.000.000 đồng, về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa án tích. Do vậy, bị cáo Bùi Công P phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Bùi Trí H, Bùi Xuân C, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Bùi Xuân T2 và Nguyễn Ngọc T đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo Bùi Trí H, Bùi Xuân C, Lê Trọng Q, Bùi Xuân T2 và Nguyễn Ngọc T đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8]. Về nhân thân: Bị cáo Bùi Văn T1 từng bị kết án, nhưng đã được đương nhiên xóa án tích, nên được coi như chưa bị kết án. Bị cáo Bùi Công P đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính, đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính trên một năm, nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[9]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo Bùi Công P ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Đối với bị cáo Bùi Trí H, Bùi Xuân C, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Bùi Xuân T2 và Nguyễn Ngọc T. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền, tuy là ít nghiêm khắc hơn, nhưng là sự trừng phạt nặng về kinh tế đối với các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo Bùi Công P còn phải chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự để sung quỹ Nhà nước.

[11]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cũng như tại phiên Tòa đã xác định số tiền các bị cáo Bùi Trí H, Bùi Xuân C, Bùi Công P, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Bùi Xuân T2 và Nguyễn Ngọc T sử dụng vào việc đánh bạc là 7.730.000 đồng (gồm: Thu trên người của C số tiền 2.970.000 đồng; của Q số tiền 3.660.000 đồng; của P số tiền 100.000 đồng; của T1 số tiền 400.000 đồng; của H số tiền 600.000 đồng). Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu xanh, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu đỏ và 01 chiếc chiếu che đã cũ, là công cụ, phương tiện sử dụng để đánh bạc, là vật chứng của vụ án, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 ví giả da thu giữ của Bùi Trí H, 01 ví giả da màu đen thu giữ của Bùi Xuân T2, 01 ví giả da thu giữ của Bùi Công P, đây là tài sản hợp pháp của H, T2, P, không sử dụng vào việc phạm tội, do giá trị tài sản không lớn, các bị cáo không đề nghị nhận lại tài sản. Vì vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng thu giữ ở dưới đệm trên giường trong phòng ngủ của gia đình Bùi Trí H. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của Lê Trọng Q, không sử dụng vào việc phạm tội, cần trả lại cho Q, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 26.830.000 đồng thu giữ của Bùi Xuân T2, số tiền 4.500.000 đồng thu giữ của Bùi Công P. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của T2, P không sử dụng vào việc phạm tội, cần trả lại cho T2 và P nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 100.000 đồng thu giữ của Bùi Xuân T3, đây là tài sản hợp pháp của T3, T3 không tham gia đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, đã trả lại số tiền trên cho T3 là phù hợp.

Đối với số tiền 340.000 đồng, 01 ví giả da màu nâu thu giữ của Lê Anh K, đây là tài sản hợp pháp của K, K không sử dụng vào việc đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, đã trả lại số tiền trên cho K là phù hợp.

Trong vụ án này còn có, Lê Anh K tham gia đánh bạc cùng với Bùi Trí H, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1 và Nguyễn Ngọc T từ khoảng 11 giờ 30 phút đến khoảng 12 giờ 00 phút ngày 09/4/2020. Tuy nhiên, K không thừa nhận hành vi đánh bạc của mình. Quá trình điều tra các bị cáo Bùi Trí H, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1 và Nguyễn Ngọc T đều khai K là người cùng đánh bạc, tại thời điểm K tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo nêu trên với số tiền sử dụng để đánh bạc xác định được là 4.700.000 đồng. Trước khi thực hiện hành vi đánh bạc K chưa có tiền án, tiền sự về tội “đánh bạc”, tội “tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc”; nên hành vi nêu trên của K chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Công an huyện V ra quyết định xử phạt hành chính (Phạt tiền) đối với Lê Anh K, là phù hợp.

[12] **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[13] **Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Bùi Trí H, Bùi Xuân C, Bùi Công P, Lê Trọng Q, Bùi Văn T1, Bùi Xuân T2 và Nguyễn Ngọc T** phạm tội **"Đánh bạc"**.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Công P** 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/4/2020, đến ngày 15/4/2020. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Trí H: 28.000.000** (Hai mươi tám triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T: 26.000.000** (Hai mươi sáu triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Trọng Q: 26.000.000** (Hai mươi sáu triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Xuân T2: 26.000.000** (Hai mươi sáu triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Xuân C: 25.000.000** (Hai mươi năm triệu) đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T1: 27.000.000** (Hai mươi bảy triệu) đồng.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.730.000 đồng (gồm: số tiền 2.970.000 đồng thu giữ của **Bùi Xuân C**; 3.660.000 đồng thu giữ của **Lê Trọng Q**; 100.000 đồng thu giữ của **Bùi Công P**; 400.000 đồng thu giữ của **Bùi Văn T1**; 600.000 đồng thu giữ của **Bùi Trí H**).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu xanh, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu đỏ và 01 chiếc chiếu che thu giữ tại chiếu bạc, 01 ví giả da thu giữ của **Bùi Trí H**, 01 ví giả da màu đen thu giữ của **Bùi Xuân T2**, 01 ví giả da thu giữ của **Bùi Công P**, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị.

+ Trả lại bị cáo **Lê Trọng Q** số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo **Bùi Xuân T2** số tiền 26.830.000 đồng, bị cáo **Bùi Công P** số tiền 4.500.000 đồng, là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Số tiền tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước và số tiền trả lại cho các bị cáo gửi tại tài sản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Đặc điểm các vật chứng tịch thu tiêu hủy theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/07/2020, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

3. **Về án phí:** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo **Bùi Trí H**, **Bùi Xuân C**, **Bùi Công P**, **Lê Trọng Q**, **Bùi Văn T1**, **Bùi Xuân T2** và **Nguyễn Ngọc T** mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thiện Thành